

HIỆP ĐỊNH
GIỮA CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ MÔNĐÔVA VỀ
HỢP TÁC KINH TẾ THƯƠNG MẠI
Ngày 21 tháng 09 năm 2000

Nhằm củng cố và phát triển hơn nữa hợp tác kinh tế - thương mại giữa nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hoà Mônđôva, Tuân thủ các nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi và các quy định của luật pháp quốc tế khi thực hiện các quan hệ kinh tế - thương mại giữa hai nước. Hai bên đã thoả thuận như sau:

Điều 1

Hiệp định này quy định các nguyên tắc cơ bản điều tiết các quan hệ kinh tế - thương mại giữa nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hoà Mônđôva. Trong khuôn khổ luật pháp hiện hành của mỗi nước, hai Bên sẽ áp dụng những biện pháp cần thiết nhằm tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển mậu dịch cũng như các hình thức quan hệ kinh tế - thương mại khác mà hai Bên quan tâm, trên cơ sở lâu dài và ổn định. Nhằm mục đích này, hai Bên sẽ tạo ra những điều kiện thuận lợi tương ứng.

Điều 2

Hai Bên sẽ khuyến khích và thúc đẩy hợp tác cùng có lợi giữa các thành viên hoạt động kinh tế của hai nước, dưới đây gọi tắt là “các chủ thể”, nhằm:

- Tăng cường và mở rộng các mối quan hệ thương mại giữa hai bên;
- Khuyến khích hợp tác giữa các chủ thể, cũng như thúc đẩy việc thành lập các xí nghiệp liên doanh và các hình thức hợp tác tương tự.

Điều 3

1. Hai Bên dành cho nhau chế độ tối huệ quốc, về thuế quan và các loại phí liên quan đến hàng hoá xuất khẩu và nhập khẩu, cũng như các loại thuế và phí khác được thu trực tiếp hoặc gián tiếp đối với hàng hoá nhập khẩu và phương pháp thu các loại thuế và phí, cũng như các quy định khác và thủ tục liên quan đến thương mại.
2. Hai Bên dành cho nhau chế độ không phân biệt đối xử trong việc áp dụng hạn chế số lượng và cấp giấy phép đối với hàng hoá xuất khẩu và nhập khẩu trong buôn bán với nhau.
3. Khoản 1 và 2 nêu trên không áp dụng đối với:
 - a) Những ưu đãi mà mỗi Bên đã hoặc có thể sẽ dành cho các nước láng giềng nhằm tạo thuận lợi cho giao lưu biên giới;
 - b) Những ưu đãi có thể có, do có sự tham gia của một trong hai Bên vào khu vực mậu dịch tự do, các liên minh thuế quan hoặc các Hiệp định khu vực khác.

Điều 4

Giá hàng hoá và dịch vụ trong quan hệ kinh tế - thương mại sẽ được các chủ thể thoả thuận trong các hợp đồng trên cơ sở giá thị trường thế giới và các điều kiện áp dụng trong thông lệ thương mại và tài chính quốc tế

Điều 5

Việc thanh toán liên quan đến mua bán hàng hoá và dịch vụ giữa hai nước sẽ được tiến hành bằng đồng tiền tự do chuyển đổi qua các ngân hàng được phép thực hiện các nghiệp vụ thanh toán quốc tế, phù hợp với luật pháp của mỗi nước.

Điều 6

Hai Bên sẽ thông báo cho nhau biết về pháp luật, pháp quy và các quy định hành chính khác về các hoạt động thương mại, những thay đổi về thuế suất hoặc số liệu thống kê cũng như những thay đổi trong luật pháp hiện hành của mỗi nước có thể ảnh hưởng đến việc thực hiện Hiệp định này.

Điều 7

Các khoản của Hiệp định này không hạn chế quyền của mỗi Bên áp dụng các biện pháp cấm hoặc hạn chế xuất khẩu, nhập khẩu và quá cảnh hàng hoá nhằm:

- Bảo vệ an ninh quốc gia;
- Bảo vệ đời sống và sức khoẻ của nhân dân, sự sống của động vật hoặc thực vật;
- Bảo vệ môi trường;
- Bảo vệ các giá trị văn hoá, nghệ thuật, lịch sử và khảo cổ quốc gia.

Tuy nhiên, việc cấm và những hạn chế nói trên không thể dùng làm phương tiện để phân biệt đối xử tùy tiện hoặc hạn chế trong buôn bán giữa hai nước.

Điều 8

Nhận thức tầm quan trọng của sở hữu trí tuệ đối với việc xúc tiến hợp tác kinh tế - thương mại, hai Bên đảm bảo việc bảo hộ đầy đủ và có hiệu quả quyền sở hữu trí tuệ kể cả quyền tác giả và các quyền liên quan, nhãn hiệu hàng hoá, các chỉ dẫn địa lý, bằng phát minh sáng chế trong lĩnh vực công nghệ, kiểu dáng công nghiệp, bí mật thương mại và bí mật sản xuất.

Hai bên thoả thuận không phân biệt đối xử trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, trong trường hợp cần thiết, sẽ tiến hành trao đổi ý kiến khi những vấn đề phát sinh gây ảnh hưởng tiêu cực đến quan hệ thương mại giữa hai nước.

Điều 9

1. Hai Bên thoả thuận thành lập Ủy ban hỗn hợp với các nhiệm vụ sau:

- Đảm bảo sự hoạt động và thi hành đúng đắn Hiệp định;
- Đề xuất những khuyến nghị cần thiết nhằm đạt được mục đích của Hiệp định.

2. Ủy ban bao gồm các đại diện của hai Bên, họp vào thời gian do hai Bên thoả thuận, luân phiên tại Việt Nam và Môđôva. Phiên họp bất thường có thể được triệu tập theo sự

thỏa thuận của hai Bên.

3. Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban có thể thành lập các tiểu ban chuyên ngành để giúp Ủy ban thực hiện nhiệm vụ của mình và điều phối việc xây dựng, thực hiện các dự án trong khuôn khổ Hiệp định.

Điều 10

Hiệp định này có thể được sửa đổi hoặc bổ sung theo thỏa thuận của hai Bên, dưới hình thức Nghị định thư riêng, là bộ phận không tách rời Hiệp định này. Nghị định thư đó có hiệu lực phù hợp với các quy định tại Điều 11 Hiệp định này.

Điều 11

1. Hiệp định này có hiệu lực từ ngày nhận được thông báo cuối cùng bằng văn bản theo đường ngoại giao về việc hai Bên đã hoàn tất các thủ tục cần thiết để Hiệp định có hiệu lực.

2. Hiệp định có hiệu lực trong thời hạn 5 năm. Thời hạn hiệu lực của Hiệp định mặc nhiên được gia hạn 5 năm tiếp theo, nếu như một trong hai Bên không thông báo cho Bên kia theo đường ngoại giao về quyết định của mình chấm dứt hiệu lực của Hiệp định này, không muộn hơn 6 tháng trước khi Hiệp định hết hiệu lực.

3. Sau khi Hiệp định này hết hiệu lực, các điều khoản của Hiệp định sẽ tiếp tục được áp dụng đối với các hợp đồng đã được ký kết giữa các chủ thể của hai Bên cho đến khi chúng được thực hiện xong.

Làm tại Kiép, ngày 21 tháng 9 năm 2000 thành 2 bản chính, mỗi bản bằng tiếng Việt Nam, tiếng Mônđôva và tiếng Nga, cả 2 bản đều có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự giải thích khác nhau, bản tiếng Nga sẽ được dùng làm căn cứ.